TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2025/QĐST-DS	

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1), địa chỉ tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số A P, phường B, Quận A (nay là tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số A P, phường S), thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật ông Hàn Ngọc V, tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền ông Hà Hoàng H, giám đốc Trung tâm xử lý nợ NHBL miền Bắc, khối xử lý nợ của V1, theo Giấy uỷ quyền số 091496.25 ngày 14/4/2025; người đại diện theo uỷ quyền lại bà Vũ Thị T, cán bộ Ngân hàng TMCP Q, theo giấy uỷ quyền số 174038.25 ngày 20/6/2025.

Bị đơn: Chị Lưu Thị G sinh năm 1988, nơi thường trú tổ B, khu V, phường M, thành phố Đ (nay là tổ B, khu V, phường M), tỉnh Quảng Ninh.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Đối với hợp đồng tín dụng số 5308337.21 ngày 12/3/2021, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5308337.21 ngày 12/03/2021.

1.1/ Các đương sự thống nhất chấm dứt hợp đồng tín dụng số 5308337.21 ngày 12/3/2021, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5308337.21 ngày 12/03/2021.

1.2/ Về số tiền nợ: tính đến ngày 18/8/2025 chị Lưu Thị G còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 681.442.436[đ] (sáu trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm bốn

mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) bao gồm: nợ gốc 502.500.000đ (năm trăm linh hai triệu, năm trăm nghìn đồng); nợ lãi trong hạn 102.297.913đ (một trăm linh hai triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm mười ba đồng); nợ lãi quá hạn 76.644.523đ (bảy mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng).

1.3/ Về phương án trả nợ: Chậm nhất đến ngày 30/9/2025 chị Lưu Thị G phải trả Ngân hàng TMCP Q số tiền 681.442.436đ (sáu trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2025 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 5308337.21 ngày 12/3/2021, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5308337.21 ngày 12/03/2021 cho đến khi chị Lưu Thị G trả hết nợ.

1.4/ Trường hợp chị Lưu Thị G vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại TUCSON, số máy G4FJLH805532, biểm kiểm soát: 14A-542.73, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 003725 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 11/3/2021, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7387884.21 ngày 12/03/2021 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

1.5/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì chị Lưu Thị G vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Đối với hợp đồng tín dụng số 9390848.23 ngày 15/07/2023, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9390848(1).23 ngày 15/07/2023.

2.1/ Các đương sự thống nhất chấm dứt hợp đồng tín dụng số 9390848.23 ngày 15/07/2023, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9390848(1).23 ngày 15/07/2023.

2.2/ Về số tiền nợ: tính đến ngày 18/8/2025 chị Lưu Thị G còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 116.637.447đ (một trăm mười sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng) bao gồm: nợ gốc 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng); nợ lãi trong hạn 17.887.192đ (mười bảy triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi hai đồng); nợ lãi quá hạn 8.750.255đ (tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng).

2.3/ Về phương án trả nợ: Chậm nhất đến ngày 30/9/2025 chị Lưu Thị G phải trả Ngân hàng TMCP Q số tiền 116.637.447đ (một trăm mười sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2025 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 9390848.23 ngày 15/07/2023, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9390848(1).23 ngày 15/07/2023 cho đến khi chị Lưu Thị G trả hết nợ.

2.4/ Trường hợp chị Lưu Thị G vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại

TUCSON, số máy G4FJLH805532, biểm kiểm soát: 14A-542.73, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14 003725 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 11/3/2021, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7387884.21 ngày 12/03/2021 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2.5/ Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì chị Lưu Thị G vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

3. Về chi phí tố tụng

3.1/ Chị Lưu Thị G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000^{đ} (một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng, nên chị G có trách nhiệm hoàn trả số tiền 1.500.000^{đ} (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP Q.

3.2/ Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền chi phí tố tụng nói trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí

4.1/ Chị Lưu Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 17.961.598^{đ} (mười bảy triệu, chín trăm sáu mươi mốt nghìn, năm trăm chín mươi tám đồng).

4.2/ Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 17.505.000^{đ} (mười bảy triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000084 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường